

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2805/CBTT-VSF

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã chứng khoán: VSF

Địa chỉ trụ sở chính: 333 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên hệ: (028).38370026

Fax: (028).38365898

E-mail: vanphong@vsfc.com.vn

Website: www.vinafood2.com.vn

Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Tấn Đức – Phó Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://vinafood2.com.vn/quan-he-co-dong>, mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Trần Tấn Đức

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 2801/LTMN-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. BCTC quý 3/2022

- BCTC quý 3/2022 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để báo cáo);
- BKS (để báo cáo);
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Trần Tấn Đức

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM-
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2022

Số: 2805 /LTMN-TCKT

V/v Giải trình lợi nhuận sau thuế
báo cáo tài chính hợp nhất quý 3,
09 tháng đầu năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tổng công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế (lợi nhuận thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước, chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 và 09 tháng đầu năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quý 3/2021	Quý 3/2022	09 tháng 2021	09 tháng 2022
Doanh thu thuần	3.212.247.557.860	3.652.356.257.192	12.460.971.480.433	10.830.120.684.579
Lợi nhuận sau thuế	(97.420.094.322)	265.468.476	(238.887.275.034)	5.167.214.399

Nguyên nhân: do cùng kỳ năm 2021, Tổng công ty chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 nên tình hình sản xuất và tiêu thụ gạo gặp nhiều khó khăn. Đến kỳ năm nay, Tổng công ty quyết liệt chú trọng quản lý tốt chi phí, hoàn thành mục tiêu thực hiện các hợp đồng xuất khẩu mới nên đã mang về lợi nhuận 265.468.476 đồng trong quý 3 và 5.167.214.399 đồng trong 09 tháng đầu năm 2022.

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần xin giải trình nguyên nhân nêu trên để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để báo cáo);
- BKS (để báo cáo);
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Trần Tấn Đức

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-51

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

MÀU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.732.539.415.814	2.682.527.488.133
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	486.732.458.097	281.423.366.183
1. Tiền	111		315.732.458.097	233.723.366.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		171.000.000.000	47.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	100.502.150.000	104.502.150.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.150.000	2.150.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.500.000.000	104.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		768.582.412.885	817.479.140.259
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	773.112.701.630	834.744.540.263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	474.965.477.601	458.154.487.428
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	127.428.700.301	132.411.798.491
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.278.172.080.123)	(1.276.311.337.057)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	671.247.613.476	668.479.651.134
IV. Hàng tồn kho	140	11	2.192.326.463.064	1.308.639.518.774
1. Hàng tồn kho	141		2.237.058.455.757	1.416.794.852.504
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(44.731.992.693)	(108.155.333.730)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		184.395.931.768	170.483.312.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	13.208.486.241	9.283.869.756
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		163.507.708.330	154.860.632.665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	7.515.362.657	6.338.810.496
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		164.374.540	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.702.276.949.606	3.843.132.802.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		615.509.999.951	587.594.558.908
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	615.000.533.417	587.080.892.374
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	509.466.534	513.666.534
II. Tài sản cố định	220		2.689.193.682.732	2.796.899.699.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.904.993.696.751	2.009.658.111.720
- Nguyên giá	222		6.140.294.341.101	6.176.061.544.531
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.235.300.644.350)	(4.166.403.432.811)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	784.199.985.981	787.241.587.793
- Nguyên giá	228		838.007.791.989	838.007.791.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.807.806.008)	(50.766.204.196)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	20.474.010.043	20.736.161.048
- Nguyên giá	231		49.576.252.218	49.576.252.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.102.242.175)	(28.840.091.170)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	23.764.208.305	19.089.040.497
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		4.162.593.412	4.260.802.870
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.601.614.893	14.828.237.627
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	138.475.017.645	200.671.349.944
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.771.200.000	28.771.200.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		85.029.800.156	163.358.006.456
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		91.206.925.910	75.075.051.909
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(66.532.908.421)	(66.532.908.421)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		214.860.030.930	218.141.992.349
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	214.522.611.882	217.726.100.032
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		337.419.048	415.892.317
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.434.816.365.420	6.525.660.290.392

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.996.932.948.510	4.030.792.146.874
I. Nợ ngắn hạn	310		3.653.817.993.830	2.716.602.207.646
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	211.943.017.018	211.176.918.546
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	215.793.253.870	205.682.240.628
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	32.821.411.562	9.400.370.311
4. Phải trả người lao động	314		88.627.487.136	70.928.141.207
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	114.302.074.823	76.624.074.643
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	13.313.460.531	14.222.656.840
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	271.427.255.531	206.779.345.165
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	2.682.919.989.026	1.898.726.543.727
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.670.044.333	23.061.916.579
II. Nợ dài hạn	330		1.343.114.954.680	1.314.189.939.228
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	-	340.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	44.695.266.318	7.376.575.818
3. Phải trả dài hạn khác	337	22	1.185.682.057.742	1.195.974.296.699
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	8.018.241.491	6.219.600.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		104.719.389.129	104.279.466.711

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022	01/01/2022
			VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.437.883.416.910	2.494.868.143.518
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	2.437.883.416.910	2.494.868.143.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.890.194.878	2.890.194.878
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.899.212.999	11.899.212.999
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(215.070.235.809)	(215.070.235.809)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.790.643.417	87.656.357.519
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		231.825.797.290	231.825.797.290
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.788.203.831.297)	(2.806.911.034.195)
LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ				
- trước	421a		(2.776.745.049.749)	(2.458.015.238.854)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.458.781.548)	(348.895.795.341)
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		157.751.635.432	182.577.850.836
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440 = 300+ 400)	440		7.434.816.365.420	6.525.660.290.392




Nông Ngọc Sơn
 Người lập biểu

Nguyễn Vương Quốc
 Kế toán trưởng




Trần Tấn Đức
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2022

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2022		Quý 3/2021		Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022		Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.654.498.424.002	3.214.963.312.314	10.836.321.329.667	12.469.076.522.953				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	2.142.166.810	2.715.754.454	6.200.645.088	8.105.042.520				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.652.356.257.192	3.212.247.557.860	10.830.120.684.579	12.460.971.480.433				
4. Giá vốn hàng bán	11	27	3.298.327.713.496	3.016.841.635.817	9.827.953.078.830	11.729.605.061.327				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		354.028.543.696	195.405.922.043	1.002.167.605.749	731.366.419.106				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	48.290.774.032	25.092.690.551	112.638.568.995	59.842.266.922				
7. Chi phí tài chính	22	29	47.417.164.663	40.390.888.565	167.213.856.494	120.969.500.576				
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.760.208.691	31.518.797.163	92.167.515.813	91.112.015.680				
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		472.364.769	(174.617.340)	6.280.307.010	(608.309.674)				
9. Chi phí bán hàng	25	30	214.391.278.535	174.729.739.702	581.560.026.188	597.716.559.732				
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	143.496.768.560	89.078.068.910	377.948.899.762	278.781.074.616				
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(2.513.529.261)	(83.874.701.923)	(5.636.300.690)	(206.866.758.570)				
12. Thu nhập khác	31	32	8.702.496.772	7.923.490.162	33.766.024.383	36.561.801.388				
13. Chi phí khác	32	33	787.129.391	16.220.452.941	8.607.791.934	51.209.780.280				
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.915.367.381	(8.296.962.779)	25.158.232.449	(14.647.978.892)				

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2022		Quý 3/2021		Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022		MÃ SỐ B 02-DN
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	Đơn vị: VND
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.401.838.120	(92.171.664.702)		19.521.931.759	(221.514.737.462)		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	4.793.385.944	3.383.866.510		13.567.898.708	14.382.609.394		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		342.983.700	1.864.563.110		786.818.652	2.989.928.178		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		265.468.476	(97.420.094.322)		5.167.214.399	(238.887.275.034)		
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(4.356.201.219)	(101.022.598.199)		(11.458.781.548)	(247.960.822.293)		
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		4.621.669.695	3.602.503.877		16.625.995.947	9.073.547.259		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1	(202)		10	(496)		



Nông Ngọc Sơn
Người lập biểu




Nguyễn Vương Quốc
Kế toán trưởng

Trần Tấn Đức
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.167.214.399	(221.514.737.462)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		120.451.547.294	235.048.425.649
- Các khoản dự phòng	03		(61.562.597.971)	(6.148.547.787)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.999.739.816)	675.370.796
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(112.638.568.995)	(1.605.038.289)
- Chi phí lãi vay	06		92.245.989.082	91.112.015.680
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(556.246.786)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.107.597.207	97.567.488.587
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(60.044.347.787)	(209.729.945.686)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(820.263.603.253)	(819.183.839.541)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		201.054.334.769	(166.020.039.068)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(721.128.335)	21.421.746.936
- Tiền lãi vay đã trả	14		(92.167.515.813)	(90.652.572.982)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.550.954.935)	(10.816.345.520)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.844.076.137
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(21.246.074.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(741.585.618.147)	(1.193.815.505.147)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.675.167.808)	(11.535.532.528)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.192.015.481	7.922.533.611
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(90.500.000.000)

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

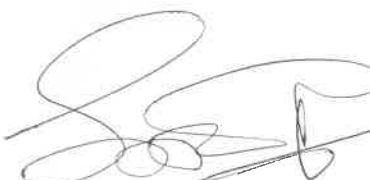

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	44.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		114.462.869.979	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.078.057.956	4.197.603.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		186.057.775.608	(45.915.395.757)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.069.044.761.732	7.646.892.433.712
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.283.052.674.942)	(6.606.452.385.882)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.826.215.404)	(27.896.956.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		761.165.871.386	1.012.543.091.230
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		205.638.028.847	(227.187.809.674)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		281.423.366.183	483.558.782.974
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(328.936.933)	(30.555.096)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	4	486.732.458.097	256.340.418.204

Nông Ngọc Sơn
Người lập biểu

Nguyễn Vương Quốc
Kế toán trưởng



Trần Tấn Đức
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 11 năm 2021.

Tổng công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định 5417/QĐ-BNN-QLDN ngày 18 tháng 12 năm 2014. Ngày 09 tháng 10 năm 2018, Tổng công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 5.000.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 5.000.000.000.000 đồng; tương đương 500.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thu mua, bảo quản, chế biến, sản xuất, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản; xuất khẩu, nhập khẩu lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản; gia công, đóng gói các mặt hàng: nông, thủy sản, phân bón, vật tư nông nghiệp.

- Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh các mặt hàng thủy sản;
- Sản xuất và kinh doanh bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì;
- Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chế biến;
- Quản lý khai thác cảng biển, bến - cảng nội thủy, giao nhận hàng hóa, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển;
- Kinh doanh kho, bãi và lưu trữ hàng hóa, logistic;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sông, đường bộ;
- Khai thác và kinh doanh nước uống tinh khiết, nước khoáng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy; bảo dưỡng, bảo trì: ô tô, xe máy;
- Kinh doanh hệ thống phân phối, bán lẻ các loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng, bán lẻ đồ điện gia dụng, đồ dùng nội thất;
- Kinh doanh dịch vụ trồng trọt, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch và xử lý hạt giống để nhân giống;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư phục vụ sản xuất lương thực, vật tư xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh sản xuất nhựa các loại;
- Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; và
- Kinh doanh quảng cáo thương mại và tiếp thị.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tổng công ty có 12 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2022 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Sài Gòn Lương thực	TP Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế biến lương thực; dịch vụ xuất nhập khẩu
Công ty CP Lương thực Nam Trung Bộ	Ninh Thuận	66,27%	66,27%	Sản xuất, chế biến lương thực; dịch vụ xuất nhập khẩu
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco	TP Hồ Chí Minh	51,30%	51,30%	Sản xuất, chế biến lương thực; Kinh doanh thương mại
Công ty CP Bao bì Tiền Giang	Tiền Giang	60,00%	60,00%	Sản xuất; Kinh doanh thương mại; Xuất nhập khẩu bao bì
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Cà Mau	62,05%	62,05%	Kinh doanh nông sản, thực phẩm
Công ty CP Tô Châu	Đồng Tháp	65,40%	65,40%	Sản xuất và kinh doanh bia, cồn, rượu và nước giải khát
Công ty CP Lương thực Bình Định	Bình Định	51,00%	51,00%	Sản xuất và chế biến lương thực
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	Hậu Giang	53,28%	53,28%	Công ty ngừng hoạt động từ năm 2014
Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Long An	60,00%	60,00%	Sản xuất sản phẩm cơ khí, lương thực; Kinh doanh lương thực
Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực
Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	59,78%	59,78%	Kinh doanh, sản xuất, chế biến, lương thực
Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Kiên Giang	83,31%	83,31%	Kinh doanh, sản xuất, chế biến, lương thực

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tổng công ty có 8 công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2022 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	TP Hồ Chí Minh	30,72%	30,72%	Sản xuất mì ăn liền, miến, bún phở, hủ tiếu, cháo ăn liền và các mặt hàng gia vị
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	Vĩnh Long	40,00%	40,00%	Chế biến lương thực xuất khẩu tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Công ty CP Hoàn Mỹ	TP Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Công ty CP Lương thực Cambodia - Việt Nam		37,00%	37,00%	Sản xuất, thu mua, vận chuyển, chế biến, bảo quản, dự trữ kinh doanh xuất nhập khẩu và các dịch vụ khác trong lĩnh vực lương thực, thực phẩm
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	An Giang	4,89%	4,89%	Chế biến và xuất khẩu lương thực, thủy sản; sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi thủy sản
Cơ sở nuôi cá Long Trị	Trà Vinh	60,00%	60,00%	Nuôi cá
Công ty CP Bến Thành - Mũi Né	Bình Thuận	20,62%	20,62%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Công ty CP Phú Tam Khôi		23,91%	23,91%	Buôn bán thực phẩm, đồ gia dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 09 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 20	năm

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được hạch toán như tài sản cố định vô hình và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 8 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 năm đến 50 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | | |
|--------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 | năm |
| - Quyền sử dụng đất | 05 - 30 | năm |

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ bao gồm: ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	19.261.901.145	25.684.312.984
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	296.466.176.952	208.039.053.199
Tiền đang chuyển	4.380.000	-
Các khoản tương đương tiền	171.000.000.000	47.700.000.000
	<u>486.732.458.097</u>	<u>281.423.366.183</u>

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	100.500.000.000	100.500.000.000	104.500.000.000	104.500.000.000
	100.500.000.000	100.500.000.000	104.500.000.000	104.500.000.000
	100.500.000.000	100.500.000.000	104.500.000.000	104.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng tính đến ngày cuối kỳ.

b) Chứng khoán kinh doanh**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	28.771.200.000	(28.771.200.000)	28.771.200.000	(28.771.200.000)
	28.771.200.000	(28.771.200.000)	28.771.200.000	(28.771.200.000)
	28.771.200.000	(28.771.200.000)	28.771.200.000	(28.771.200.000)

Giá trị đầu tư vào Công ty CP Lương thực Hậu Giang - công ty con phân ánh theo giá gốc do công ty con này đã ngừng hoạt động từ năm 2014, hiện công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản theo Quyết định Tuyên bố phá sản số 01/2020/QĐ-PS ngày 22 tháng 09 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị đồng kiểm soát	85.029.800.156		(437.724.796)	
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	47.027.567.709		-	
Công ty CP Bến Thành - Mũi Né	21.336.723.625		-	
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	-		-	
Cơ sở nuôi cá Long Trị	10.812.000.000		-	
Công ty CP Phú Tam Khôi	5.853.508.822		(437.724.796)	
				(437.724.796)

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	91.206.925.910			
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	17.131.874.001		(37.323.983.625)	
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	27.469.130.000		(8.115.077.901)	
Công ty CP Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	2.138.145.362		(2.081.334.941)	(8.115.077.901)
Công ty CP Bột mì Bình An	23.903.329.999		(23.903.329.999)	(2.081.334.941)
Công ty CP Bao bì Bình Tây	8.099.972.170		(169.380.223)	(23.903.329.999)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Kim	-		-	(169.380.223)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Long	600.000.000		-	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đồng Thịnh	10.577.034.161		(3.054.860.561)	
Tổng công ty cổ phần Bia rượu và Nước Giải khát Sài Gòn	14.102.287		-	
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	5.020.816		-	
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	1.268.317.114		-	
	205.007.926.066		(66.532.908.421)	267.204.258.365
				(37.323.983.625)
				(8.115.077.901)
				(2.081.334.941)
				(23.903.329.999)
				(169.380.223)
				(3.054.860.561)
				(3.054.860.561)
				(66.532.908.421)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý cho các công cụ tài chính này do hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý khi lập báo cáo tài chính theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán nghiệp vụ hiện hành. Giá trị hợp lý của các công cụ này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	46.930.774.000	60.382.107.000
Sika Kroabea Co.LTD	78.050.563.456	184.707.768.045
R&S Trader Pte., LTD	153.069.178.500	-
Các đối tượng phải thu khách hàng khác	495.062.185.674	589.654.665.218
	773.112.701.630	834.744.540.263
b) Phải thu dài hạn của khách hàng		
Hỗ trợ chính phủ Cuba (*)	615.000.533.417	587.080.892.374
	615.000.533.417	587.080.892.374

(*) Khoản phải thu Chính phủ Cuba do Chính phủ Việt Nam viện trợ thông qua Tổng công ty. Khoản phải thu này sẽ được hoàn trả lại cho Chính phủ Việt Nam khi Tổng công ty thu hồi được từ Chính phủ Cuba.

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)</i>	20.804.339.470	19.825.509.980
--	-----------------------	-----------------------

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP XNK Chế biến Lương thực Thăng Lợi	60.164.248.957	15.552.707.984
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	73.226.957.750	73.226.957.750
Công ty CP Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum	77.481.437.313	77.481.437.313
Công ty TNHH Một thành viên Hòa Tân Lộc	78.629.955.300	78.629.955.300
Công ty TNHH XNK Thương mại Võ Thị Thu Hà	87.991.938.232	87.991.938.232
Trả trước khác	97.470.940.049	125.271.490.849
	474.965.477.601	458.154.487.428
Bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)</i>	73.226.957.750	73.226.957.750

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	30.189.114.872	30.189.114.872
- Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	28.000.000.000	28.000.000.000
- Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	2.189.114.872	2.189.114.872
<i>Các bên khác</i>		
Phải thu Kho bạc Nhà nước (*)	27.877.394.336	27.877.394.336
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hiệp Tài (phải thu tiền bồi thường hàng gửi kho)	9.017.732.212	9.017.732.212
Phải thu về cổ phần hóa	3.917.686.259	3.917.686.259
Công ty Cổ phần Lương thực Đà Nẵng – tiền lãi ứng vốn	1.629.041.396	1.629.041.396
Các khoản phải thu khác	54.797.731.226	89.969.944.288
	127.428.700.301	132.411.798.491

(*) Khoản phải thu Kho bạc Nhà nước liên quan đến số tiền Nhà nước tạm ứng cho Tổng công ty để thực hiện dự án. Số tiền này đang bị phong tỏa do đã hết thời hạn rút vốn.

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
b) Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về cổ phần hóa	108.566.534	108.566.534
Ký cược, ký quỹ	270.400.000	359.600.000
Phải thu khác	130.500.000	45.500.000
	509.466.534	513.666.534

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	30/09/2022	01/01/2022
	Số lượng	Số lượng
	Kg	Kg
Hàng tồn kho tại các kho lương thực (1)	83.313.922	83.313.922
Tài sản khác (2)	1.074.016	630.000
	Giá trị VND	Giá trị VND
	661.975.531.134	661.975.531.134
	9.272.082.342	6.504.120.000
	84.387.938	83.943.922
	671.247.613.476	668.479.651.134

(1) Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý theo Báo cáo kiểm kê đột xuất tại Công ty Lương thực Trà Vinh (Chi nhánh Tổng công ty) tại ngày 22/11/2017 của Tổ kiểm kê đột xuất thành lập theo Quyết định số 145/QĐ-TCT ngày 27/10/2017 của Tổng giám đốc. Tài sản thiếu đã này được Tổng công ty dự phòng tổn thất toàn bộ. Ngày 29/9/2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án số 434/2020/HS-ST tuyên án các bị cáo liên quan tội tham ô tài sản và có ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, phải bồi thường cho Công ty Lương thực Trà Vinh 132,9 tỷ VND. Tuy nhiên, các bị cáo không đồng ý với kết luận của Bản án và tiếp tục kháng cáo lên tòa phúc thẩm. Báo cáo tài chính kèm theo có thể thay đổi theo phán quyết cuối cùng của tòa phúc thẩm.

(2) Bao gồm: hàng hóa (630.000 Kg gạo) của Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi (công ty con trực thuộc Tổng công ty) gửi kho Chi nhánh Công ty CP Lương thực Đà Nẵng tại Đồng Tháp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty con chưa thu hồi được số hàng hóa nói trên. Và hàng hoá kiểm kê thiếu chờ xử lý (444.016 đơn vị hàng hoá) tại Cửa hàng Foodco Mart số 1060 Âu Cơ, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Chi nhánh Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (công ty con trực thuộc Tổng công ty).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10 . NỢ XẤU

MÃ SỐ B 09-DN

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng	211.698.676.462	119.853.050	211.698.676.462	119.853.050
Công ty TNHH Univen (S) Pte	10.829.700.000	-	10.829.700.000	-
Công ty TNHH XNK TMDV Võ Thị Thu Hà	58.768.539.483	-	58.768.539.483	-
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	54.389.922.317	-	54.389.922.317	-
Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc	2.893.900.125	-	2.893.900.125	-
Công ty TNHH Lương thực V.A.P	10.033.561.582	-	10.033.561.582	-
Sima Marketing PTE	16.861.205.941	-	16.861.205.941	-
Phải thu khách hàng khác	57.921.847.014	119.853.050	57.921.847.014	119.853.050
Trả trước cho người bán	337.590.390.922	-	337.590.390.922	-
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	63.726.957.750	-	63.726.957.750	-
Công ty CP Thịnh Phát Kon Tum	77.481.437.313	-	77.481.437.313	-
Công ty TNHH XNK TMDV Võ Thị Thu Hà	80.816.416.732	-	80.816.416.732	-
Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc	77.547.337.612	-	77.547.337.612	-
Công ty TNHH Đầu tư Bình Lợi	12.709.500.000	-	12.709.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	25.308.741.515	-	25.308.741.515	-
Phải thu khác	66.345.444.678	-	65.166.591.589	-
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	30.189.114.872	-	30.189.114.872	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hiệp Tài	9.017.732.212	-	9.017.732.212	-
Doanh nghiệp tư nhân Chử Tín	5.297.314.070	-	5.297.314.070	-
Các khoản phải thu khác	21.841.283.524	-	20.662.430.435	-
	615.634.512.062	119.853.050	614.455.658.973	119.853.050

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	10.591.471.639	-	11.549.537.394	-
Nguyên liệu, vật liệu	686.554.222.190	(27.858.700.071)	448.723.119.490	(32.998.694.984)
Công cụ, dụng cụ	21.187.196.519	-	16.742.124.290	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.902.944.826	-	12.372.403.978	-
Thành phẩm	879.592.437.134	(15.981.288.622)	455.515.589.080	(39.226.390.607)
Hàng hoá	421.586.362.842	(892.004.000)	350.280.095.214	(35.930.248.139)
Hàng gửi đi bán	148.282.108.236	-	67.250.270.687	-
Hàng hóa bất động sản (*)	54.361.712.371	-	54.361.712.371	-
	2.237.058.455.757	(44.731.992.693)	1.416.794.852.504	(108.155.333.730)

(*) Trong đó, Hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Hàng hóa bất động sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, được Công ty CP Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum chuyển nhượng cho Công ty Lương thực Vĩnh Long (Chi nhánh Tổng công ty) để cân trừ một phần công nợ với Công ty Lương thực Vĩnh Long trong năm 2015.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, toàn bộ hàng hóa bất động sản trên đang bị phong tỏa cho phục vụ cho mục đích điều tra, xét xử vụ án giữa Tổng công ty và Công ty CP Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum liên quan đến khoản nợ phải thu khó đòi (Chi tiết thuyết minh số 9). Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng công ty vẫn đang trong quá trình theo dõi, cập nhật diễn biến của vụ án.

- Khu đất thuộc dự án Khu dân cư Hoàng Hải xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh với giá gốc là 8,089 tỷ VND. Tổng công ty đang tiến hành một số thủ tục chuyển nhượng một phần diện tích đất của dự án trên cho một số nhà đầu tư và tiến hành thu tiền hành thu tiền tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán là 6,587 tỷ đồng (chi tiết Thuyết minh số 21b) - Doanh thu chưa thực hiện dài hạn).

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công trình Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu (*)	4.162.593.412	4.260.802.870
	4.162.593.412	4.260.802.870

Ghi chú:

(*) Chi phí tại công trình Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu được thực hiện theo Hợp đồng thi công công trình xây dựng số 1112/2014/HĐTC-BB ngày 11/12/2014 giữa các bên là Công ty CP Chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn - Việt Hưng (Công ty Sài Gòn - Việt Hưng), Công ty CP Xây lắp, Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (MECOFOOD - công ty con của Tổng công ty) và Công ty CP Xây dựng Quốc gia.

Công trình này tạm ngừng thi công theo Công văn số 37/CV-CT ngày 24/6/2015 của Công ty Sài Gòn - Việt Hưng để phục vụ cho công tác kiểm tra về trình tự, thủ tục, tiến độ và giá trị thực hiện dự án của Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Công ty TNHH MTV (Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn - công ty mẹ của Công ty Sài Gòn - Việt Hưng). Ngày 28/3/2019, MECOFOOD đã gửi Công văn số 2803/CV-LD đến Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn và Công ty Sài Gòn - Việt Hưng để giải quyết và xử lý tồn đọng của dự án. Tuy nhiên, đến nay MECOFOOD chưa nhận được phản hồi.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	12.437.435.832	12.156.495.027
Dự án Kho lương thực Khánh Hưng (*)	5.457.758.801	5.457.758.801
Dự án đầu tư kho Năng Gù	1.922.679.720	1.922.679.720
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm	1.356.388.307	1.356.388.307
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm	1.991.303.234	1.991.303.234
Các dự án, công trình khác	1.709.305.770	1.428.364.965
Mua sắm tài sản cố định	2.257.484.418	2.257.484.418
Quyền sử dụng đất tại 265 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	1.732.029.873	1.732.029.873
Chi phí giám định bất động sản kho 1458 Hoài Thanh, Phường 14, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	36.363.636	36.363.636
Quyền sử dụng đất tại 284 - 285 Trần Văn Kiêu, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	489.090.909	489.090.909
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.906.694.643	414.258.182
Sửa chữa lớn tại Văn phòng Tổng công ty	3.877.309.431	414.258.182
Chi phí giải phóng mặt bằng, tái lập ranh giới Công ty Bột mì Bình Đông	1.029.385.212	-
	19.601.614.893	14.828.237.627

Ghi chú:

(*) Dự án Kho lương thực Khánh Hưng đang tạm dừng thực hiện theo Tờ trình số 1394/TT.LTLA.ĐTKT ngày 30/10/2018 và đã được UBND tỉnh Long An phê duyệt ngày 07/5/2019. Ngày 31/5/2021, Công ty Lương thực Long An (chi nhánh trực thuộc Tổng công ty) có Tờ trình số 405/CV.LTLA.ĐTKT gửi UBND tỉnh Long An xin gia hạn thời gian thực hiện dự án nhưng chưa nhận được phản hồi.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2022	3.391.554.520.418		2.386.105.669.682		302.280.613.389		59.462.742.980		36.657.998.062		6.176.061.544.531
Mua sắm trong kỳ	2.112.317.763		4.890.678.804		2.500.768.270		310.625.083		-		9.814.389.920
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.374.322.631		1.510.040.902		-		-		-		3.884.363.533
Thanh lý, nhượng bán	(8.968.733.589)		(26.244.473.659)		(11.613.902.727)		(706.396.545)		-		(47.533.506.520)
Giảm khác	(1.848.177.636)		-		-		-		(84.272.727)		(1.932.450.363)
Tại ngày 30/09/2022	3.385.224.249.587		2.366.261.915.729		293.167.478.932		59.066.971.518		36.573.725.335		6.140.294.341.101
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2022	2.121.211.851.828		1.712.497.295.648		247.829.640.288		52.961.480.027		31.903.165.020		4.166.403.432.811
Trích khấu hao	55.723.625.462		49.983.486.434		10.285.119.248		1.049.663.542		368.050.793		117.409.945.479
Thanh lý, nhượng bán	(8.501.714.790)		(24.431.553.505)		(10.214.698.402)		(706.396.545)		-		(43.854.363.242)
Giảm khác	(3.473.735.608)		(955.722.501)		(128.640.868)		(22.253.250)		(78.018.471)		(4.658.370.698)
Tại ngày 30/09/2022	2.164.960.026.892		1.737.093.506.076		247.771.420.266		53.282.493.774		32.193.197.342		4.235.300.644.350
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2022	1.270.342.668.590		673.608.374.034		54.450.973.101		6.501.262.953		4.754.833.042		2.009.658.111.720
Tại ngày 30/09/2022	1.220.264.222.695		629.168.409.653		45.396.058.666		5.784.477.744		4.380.527.993		1.904.993.696.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

14 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính		Tài sản cố định vô hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2022	818.159.441.639	10.023.509.938	9.824.840.412	838.007.791.989			
Tại ngày 30/09/2022	818.159.441.639	10.023.509.938	9.824.840.412	838.007.791.989			
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2022	32.252.557.578	9.667.549.907	8.846.096.711	50.766.204.196			
Trích khấu hao	2.273.343.327	173.389.024	594.869.461	3.041.601.812			
Tại ngày 30/09/2022	34.525.900.905	9.840.938.931	9.440.966.172	53.807.806.008			
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2022	785.906.884.061	355.960.031	978.743.701	787.241.587.793			
Tại ngày 30/09/2022	783.633.540.734	182.571.007	383.874.240	784.199.985.981			

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	14.994.618.000	34.581.634.218	49.576.252.218
Tại ngày 30/09/2022	14.994.618.000	34.581.634.218	49.576.252.218
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	115.643.414	28.724.447.756	28.840.091.170
Trích khấu hao	2.523.069	259.627.936	262.151.005
Tại ngày 30/09/2022	118.166.483	28.984.075.692	29.102.242.175
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	14.878.974.586	5.857.186.462	20.736.161.048
Tại ngày 30/09/2022	14.876.451.517	5.597.558.526	20.474.010.043

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thanh lý nhà 02 Điện Biên Phủ, thành phố Trà Vinh (do chưa đủ điều kiện ghi nhận chi phí - chi tiết xem Thuyết minh số 21)	3.409.253.364	3.409.253.364
Chi phí bảo hiểm	1.141.710.638	485.412.635
Công cụ dụng cụ xuất dùng	525.186.443	745.767.870
Chi phí sửa chữa tài sản	4.052.213.721	1.557.158.105
Chi phí hàng xuất khẩu	1.459.652.761	507.717.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.620.469.314	2.578.560.782
	13.208.486.241	9.283.869.756
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.985.752.483	2.453.749.719
Chi phí san lấp mặt bằng	52.885.852.502	53.943.026.533
Chi phí thuê nhà, thuê kho và thuê đất	129.409.933.640	134.099.425.328
Chi phí đầu tư khu du lịch Long Trị	5.391.017.734	5.502.297.667
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.850.055.523	21.727.600.785
	214.522.611.882	217.726.100.032

TỔNG CÔNG TY LUƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ	22.988.516.163	22.988.516.163	33.887.844.570	33.887.844.570
Công ty TNHH Đa Năng	47.056.743.420	47.056.743.420	34.227.780.000	34.227.780.000
Các khoản phải trả khác	141.897.757.435	141.897.757.435	143.061.293.976	143.061.293.976
	211.943.017.018	211.943.017.018	211.176.918.546	211.176.918.546

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	9.500.000.000	9.500.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Võ Thị Thu Hà	3.803.625.000	3.803.625.000
Công ty TNHH Lộc Sánh	34.008.300.000	20.413.237.500
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vimex	12.517.767.980	1.494.519.980
FNJ Investment Limited	11.827.526.420	10.814.291.420
SODATRADE CORPORATION	-	9.304.682.250
AL Mored Oasis General Trading LLC	46.503.600.000	-
SYARIKAT PELANGI TINGGI	26.732.614.387	30.939.382.500
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	70.899.820.083	119.412.501.978
	215.793.253.870	205.682.240.628
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	9.500.000.000	9.500.000.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

MÃ SỐ B 09-DN

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	167.522.261	2.866.025.626	38.347.103.985	35.906.583.663	317.467.915	5.456.491.602				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.495.936.732	4.108.188.083	13.635.999.611	9.550.954.935	5.075.484.293	8.772.780.320				
Thuế Thu nhập cá nhân	903.221.505	700.032.545	4.448.635.570	4.809.039.073	867.541.291	303.948.828				
Thuế Tài nguyên	-	36.375.030	189.995.040	197.180.080	-	29.189.990				
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	771.235.826	1.686.221.067	56.600.198.666	40.262.049.319	1.002.476.234	18.255.610.822				
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.591.000	56.278.109	56.479.109	-	-				
Các loại thuế khác	894.172	(63.040)	632.301.480	631.344.268	-	3.390.000				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.836.385.367	2.088.778.291	252.392.924	-				
	6.338.810.496	9.400.370.311	115.746.897.828	93.502.408.738	7.515.362.657	32.821.411.562				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.385.850.329	33.633.458.643
Trích trước chi phí tiền thuê đất	21.372.970.663	21.949.947.450
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, làm hàng xuất khẩu	10.183.343.327	293.776.680
Chi phí phải trả khác	55.359.910.504	20.746.891.870
	114.302.074.823	76.624.074.643

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Doanh thu nhà số 2 Điện Biên Phủ, TP. Trà Vinh (*)	11.760.421.000	11.760.421.000
Doanh thu nhận trước khác	1.553.039.531	2.462.235.840
	13.313.460.531	14.222.656.840

(*) Doanh thu từ việc bán bất động sản tại số 2 Điện Biên Phủ, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tổng công ty đã thực hiện chuyển nhượng bất động sản này cho bên thứ 3 trong năm 2015, đã thực hiện kê khai và nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Tổng công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với hoạt động trên do chưa xác định được bất động sản nói trên thuộc sở hữu Nhà nước giao cho đơn vị quản lý, sử dụng hay không. Chi phí tương ứng liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản này được ghi nhận trong Chi phí trả trước (chi tiết Thuyết minh số 16).

Tổng công ty đã có công văn đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xem xét và cho ý kiến về nội dung này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tổng công ty chưa nhận được phản hồi về vấn đề này.

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu nhận trước tiền bán hàng hoá bất động sản đầu tư	6.587.295.818	6.587.295.818
Doanh thu nhận trước khác	38.107.970.500	789.280.000
	44.695.266.318	7.376.575.818

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
<i>KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN</i>	6.076.900.627	6.387.119.527
Phải trả về cổ phần hoá	31.376.647.892	6.249.740.935
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.775.801.000	10.881.701.000
Phải trả khoản tạm giữ tại kho bạc Nhà Nước (*)	27.877.394.336	27.877.394.336
Phải trả tiền chuyển Quyền sử dụng đất (**)	39.584.880.000	-
Phải trả Nhà nước về khoản tiền lãi thu từ công ty con do chậm nộp tiền cổ phần hóa	22.079.961.265	22.079.961.265
Các khoản phải trả, phải nộp khác	132.655.670.411	133.303.428.102
	271.427.255.531	206.779.345.165
b) Phải trả dài hạn khác		
	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.264.669.325	2.891.669.325
Phải trả tiền chuyển quyền sử dụng đất (**)	-	39.584.880.000
Phải trả Nhà nước tiền quyền sử dụng đất tăng thêm do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (***)	561.416.855.000	561.416.855.000
Phải trả Công ty CP Đầu tư Địa ốc Bến Thành tiền hợp tác kinh doanh	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (tương ứng Thuyết minh số 6b)	615.000.533.417	587.080.892.374
	1.185.682.057.742	1.195.974.296.699

Ghi chú:

(*) Khoản phải trả liên quan đến khoản tiền Nhà nước tạm ứng để thực hiện dự án nhưng đã quá thời hạn rút tiền, hiện đang bị phong tỏa tại Kho bạc Nhà nước.

(**) Khoản phải trả ước tính để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 289 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

(***) Giá trị Quyền sử dụng đất sau khi được tính theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh

quy định về giá đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2018, được ghi nhận tăng vào giá trị doanh nghiệp và nợ phải trả Ngân sách Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****23 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/09/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.885.487.169.435	1.885.487.169.435	7.063.586.120.241	6.275.935.231.763	2.673.138.057.913	2.673.138.057.913
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	13.239.374.292	13.239.374.292	1.400.000.000	4.857.443.179	9.781.931.113	9.781.931.113
	1.898.726.543.727	1.898.726.543.727	7.064.986.120.241	6.280.792.674.942	2.682.919.989.026	2.682.919.989.026
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	19.458.974.292	19.458.974.292	5.458.641.491	7.117.443.179	17.800.172.604	17.800.172.604
	19.458.974.292	19.458.974.292	5.458.641.491	7.117.443.179	17.800.172.604	17.800.172.604
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	13.239.374.292	13.239.374.292	1.400.000.000	4.857.443.179	9.781.931.113	9.781.931.113
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	6.219.600.000	6.219.600.000			8.018.241.491	8.018.241.491

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

MÀU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND								
Năm 2021										
Tại ngày 01/01/2021	5.000.000.000.000	2.890.195.478	11.899.212.999	(215.070.235.809)	83.607.445.359	231.825.797.290	(2.440.553.904.116)	195.371.783.756	2.869.970.294.957	
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(348.895.795.341)	24.632.617.139	(324.263.178.202)	
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(27.896.956.600)	(27.896.956.600)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.047.825.982	-	(4.047.825.982)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.389.068.576)	(7.066.062.447)	(16.455.131.023)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(1.019.807.425)	-	(1.019.807.425)	
Trích làm hoạt động từ thiện	-	-	-	-	-	-	(670.282.912)	(577.717.088)	(1.248.000.000)	
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.901.200.000)	(1.901.200.000)	
Tặng/Giảm khác	-	(600)	-	-	-	-	(2.334.349.843)	15.386.076	(2.317.878.189)	
Tại ngày 31/12/2021	5.000.000.000.000	2.890.194.878	11.899.212.999	(215.070.235.809)	87.656.357.519	231.825.797.290	(2.806.911.034.195)	182.577.850.836	2.494.868.143.518	
Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022										
Tại ngày 01/01/2022	5.000.000.000.000	2.890.194.878	11.899.212.999	(215.070.235.809)	87.656.357.519	231.825.797.290	(2.806.911.034.195)	182.577.850.836	2.494.868.143.518	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(11.458.781.548)	16.625.995.947	5.167.214.399	
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(55.182.000.000)	-	-	(39.803.520.290)	(39.803.520.290)	
Điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển để phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	55.182.000.000	-	-	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.316.966.968	-	(4.316.966.968)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.664.396.667)	(6.359.111.051)	(14.023.507.718)	
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(290.695.393)	(140.077.795)	(430.773.188)	
Trích quỹ từ thiện	-	-	-	-	-	-	(339.810.000)	(260.190.000)	(600.000.000)	
Giảm khác	-	-	-	-	(681.070)	-	(12.404.146.526)	5.110.687.785	(7.294.139.811)	
Tại ngày 30/09/2022	5.000.000.000.000	2.890.194.878	11.899.212.999	(215.070.235.809)	36.790.643.417	231.825.797.290	(2.788.203.831.297)	157.751.635.432	2.437.883.416.910	



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/09/2022	Tỷ lệ	01/01/2022
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước	51,43%	2.571.393.000.000	51,43%	2.571.393.000.000
Công ty CP Tập đoàn T&T	25,00%	1.250.000.000.000	25,00%	1.250.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	23,57%	1.178.607.000.000	23,57%	1.178.607.000.000
	100%	5.000.000.000.000	100%	5.000.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/09/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	500.000.000	500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000.000	500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.790.643.417	87.656.357.519
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	231.825.797.290	231.825.797.290
	268.616.440.707	319.482.154.809

25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	10.633.190.164.320	12.284.803.801.601
Doanh thu cung cấp dịch vụ	203.131.165.347	184.272.721.352
	10.836.321.329.667	12.469.076.522.953

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.042.427.196	3.286.440.256
Hàng bán bị trả lại	1.134.843.228	1.912.205.082
Giảm giá hàng bán	23.374.664	2.906.397.182
	6.200.645.088	8.105.042.520

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	9.717.638.294.199	11.555.825.557.396
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	112.333.371.854	79.076.462.520
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	4.782.863	260.952.156
Hao hụt hàng tồn kho	700.724.175	1.570.892.897
Các khoản chi phí vượt định mức	12.854.822.405	93.014.397.850
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.048.284.754)	(857.755.067)
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(5.530.631.912)	661.776.571
Các khoản giá vốn khác	-	52.777.004
	9.827.953.078.830	11.729.605.061.327

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	6.884.023.037	4.197.603.160
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	92.143.459	120.010.276
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.524.926.900	17.208.333
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	51.487.131.096	55.507.278.039
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	7.963.052.926	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	43.687.291.577	167.114
	112.638.568.995	59.842.266.922

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	92.167.515.813	91.112.015.680
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	62.068.876.845	25.608.296.263
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	10.962.792.742	2.973.632.103
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	69.237.692
Chi phí tài chính khác	2.014.671.094	1.206.318.838
	167.213.856.494	120.969.500.576

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	154.122.899.604	149.393.041.775
Chi phí nhân công	37.928.353.312	41.317.587.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.273.039.471	11.068.057.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.006.946.681	356.883.148.377
Chi phí khác bằng tiền	42.228.787.120	39.054.724.695
	581.560.026.188	597.716.559.732

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.416.126.696	4.296.372.364
Chi phí nhân công	123.837.352.589	129.730.136.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.523.425.042	36.750.307.852
Thuế, phí, lệ phí	51.327.138.852	37.302.784.860
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	2.355.436.655	(3.835.808.018)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.449.401.708	24.623.593.277
Chi phí khác bằng tiền	62.040.018.220	49.913.687.574
	377.948.899.762	278.781.074.616

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.192.015.481	381.582.984
Thu nhập từ cho thuê tài sản	539.545.457	229.272.728
Tiền nhận bồi thường tài sản trên đất khi thu hồi khu đất tại số 1458 Hoài Thanh	4.071.734.322	-
Thưởng chỉ tiêu sản lượng, hỗ trợ bán hàng của khách hàng	2.263.003.329	9.244.811.445
Thu nhập khác	22.699.725.794	26.706.134.231
	33.766.024.383	36.561.801.388

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	645.102.316	2.974.147.855
Các khoản bị phạt	1.101.983.971	77.624.977
Chi phí khác	6.860.705.647	48.158.007.448
	8.607.791.934	51.209.780.280

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.567.898.708	14.382.609.394

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.167.214.399	(238.887.275.034)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.167.214.399	(238.887.275.034)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10	(496)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,

Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.894.938.679.915	11.801.524.005.773
Chi phí nhân công	306.539.343.012	319.267.409.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.713.698.296	193.616.700.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.488.995.574	422.628.072.313
Chi phí khác bằng tiền	127.832.503.977	97.559.908.276
	9.756.513.220.774	12.834.596.096.047

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		30/09/2022		01/01/2022	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các	486.732.458.097	-	-	281.423.366.183	-
Phải thu khách	1.516.051.401.882	-	-	1.554.750.897.662	(1.276.311.337.057)
Đầu tư ngắn hạn	100.502.150.000	-	-	104.502.150.000	-
Đầu tư dài hạn	91.206.925.910	(66.532.908.421)	(66.532.908.421)	75.075.051.909	(66.532.908.421)
	2.194.492.935.889	(66.532.908.421)	(66.532.908.421)	2.015.751.465.754	(1.342.844.245.478)

		Giá trị sổ kế toán	
		30/09/2022	01/01/2022
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		2.690.938.230.517	1.904.946.143.727
Phải trả người bán, phải trả khác		1.669.052.330.291	1.613.930.560.410
Chi phí phải trả		114.302.074.823	76.964.074.643
		4.474.292.635.631	3.595.840.778.780

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho,
Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 39.)

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

Mối quan hệ		30/09/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	Công ty con	17.298.568.750	17.298.568.750
(*) Khoản phải thu cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn thu hồi 60 ngày kể từ ngày trên hóa đơn.			
Công ty cổ phần Lương Thực Thực Phẩm COLUSA-MILIKET	Công ty liên kết	3.505.770.720	2.526.941.230
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	Công ty con	73.226.957.750	73.226.957.750
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Lương thực Hậu Giang	Công ty con	9.500.000.000	9.500.000.000

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 do Tổng công ty lập.

Nông Ngọc Sơn
Người lập biểu**Nguyễn Vương Quốc**
Kế toán trưởng
Trần Tấn Đức
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2022